



mù zhì
木 制

adjective · made of wood

Example Sentences

Zhè shì yī zhāng mù zhì zhuō zi
这是一张木制桌子。

This is a wooden table.

Tā xǐ huān shōu jí mù zhì wán jù
他喜欢收集木制玩具。

He likes collecting wooden toys.

Trace each character, then write the word on your own.

木	木	木	木	木	木	木													
制	制	制	制	制	制	制	制	制	制	制	制	制	制	制	制	制	制	制	制